

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 218/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2025
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Hăng và ông Phan Phước Tân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 420/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

(Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị N trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Văn Đ do tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2023 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, ngày 04/10/2023. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, do cả hai không còn tình cảm với nhau, ông Đ không lo làm ăn chỉ lo ăn chơi, mặc dù bà N nhiều lần khuyên can nhưng không thay đổi, mỗi lần cãi nhau thì ông Đ tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, cả hai sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không hàn gắn, ông Đ biết bà ly hôn nhưng không chịu đến Tòa án. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày

02/5/2024. Hiện con chung đang sống cùng bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông Đ vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2025, người thân bà N cung cấp: Bà N và ông Đ cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, Đ không lo làm ăn chỉ lo ăn chơi, mặc dù Nở nhiều lần khuyên can nhưng Đ không thay đổi, mỗi lần cãi nhau thì ông Đ tự ý về nhà cha mẹ ruột, cả hai sống ly thân từ năm 2024, khi đó con chung mới 04 tháng tuổi cho đến nay và Đ cũng không đến thăm nom con; theo ông khả năng hàn gắn là không thể. Hiện con chung đang sống cùng bà N. Về tài sản chung, nợ chung thì ông không biết.

Biên bản xác minh ngày 13/5/2025 do Công an xã P cung cấp, ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996; hiện đăng ký thường trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang;

Tại phiên toà: Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà N, ông Đ có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Cháu A đang sinh sống cùng bà N, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà N tiếp tục nuôi cháu A và công nhận sự tự nguyện bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi nuôi chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ. Ông Đ đăng cư T tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết

theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông Đ theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông Đặng D tự tìm hiểu, yêu thương tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N, ông Đặng phát S từ lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn nên mới sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông Đ không có mặt để hàn gắn tình cảm. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, điều này là phù hợp với lời trình bày của người thân trong gia đình bà N, nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống bà N ông Đ có 01 (một) con chung là Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/5/2024, hiện đang sống cùng bà N. Do con chung dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt, nên Hội đồng xét xử tiếp tục để cháu A cho bà N nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của đương sự.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì các đương sự có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N được nuôi dạy 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo A, sinh ngày 02/5/2024. Công nhận sự tự nguyện bà N không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Ông Đặng C các thành viên gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền trực tiếp nuôi con của bà N. Ngược lại bà N và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Đặng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số: 0010481 ngày 17/4/2025. Ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Chúc Phương